

DANH SÁCH ĐIỂM DANH
HỌC KỲ: 2021 - 2022 - NĂM HỌC: 2021-
MÔN HỌC/INTRODUCTION:
Lập trình Visual
Basic
(VBPR131085) -
Nhóm: 55

Số Tín Chỉ :
3

CBGD: **Nguyễn Hữu Trung (9732)**

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Chuyên cần 20%	20% may	60% giày	Qui đổi 60%	Quy doi 20% may	Điểm quá trình
1	12147131	Huỳnh Tuấn	An	2	7.5	8.5	5.1	1.5	8.6
2	12142001	Phạm Đức	An	2	8	3	1.8	1.6	5.4
3	14151001	Lê Hạ Hồng	Anh	2	8	1	0.6	1.6	4.2
4	14151006	Nguyễn Ngọc	ấn	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
5	14151008	Nguyễn Quang	Bình	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
6	14151009	Sỹ Quốc	Bình	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
7	14151011	Huỳnh Như	Cảnh	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
8	13151008	Trần Phan Quyết	Chiến	2	7.5	9	5.4	1.5	8.9
9	13143029	Phạm Văn	Chung	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
10	14151013	Trần Thành	Chung	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
11	14151015	Đoàn Chí	Cường	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
12	14151016	Đoàn Quốc	Cường	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
13	12142033	Nguyễn Mạnh	Cường	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
14	14151017	Nguyễn Nhật	Cường	2	7.5	5.5	3.3	1.5	6.8
15	14151018	Thái Mạnh	Cường	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1

16	14151019	Trần Quốc	Cường	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
17	14151020	Nguyễn Trí	Dũng	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
18	14151023	Nguyễn Khánh	Dương	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
19	14151024	Huỳnh Quốc	Đạt	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
20	12741168	Lê Tiến	Đạt	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
21	14151029	Đặng Kiều	Giang	2	5	3	1.8	1	4.8
22	9103041	Lê Văn	Hải	0	0	0	0	0	0
23	14151035	Nguyễn Minh	Hoàng	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
24	14151040	Nguyễn Thành	Huy	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
25	14151041	Phạm Đăng	Huy	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
26	14151042	Trần Quang	Huy	2	6	2	1.2	1.2	4.4
27	12743430	Trương Xuân	Hùng	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
28	14151044	Cao Phúc	Hưng	2	5	6.5	3.9	1	6.9
29	14151045	Lưu Phùng	Hưng	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
30	14151046	Lý Thành	Hưng	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
31	14151047	Ngô Gia	Hưng	0	0	0	0	0	0
32	12142113	Lê Minh	Khoa	2	8	2	1.2	1.6	4.8
33	14151051	Nguyễn Đăng	Khoa	2	5	3	1.8	1	4.8
34	14151052	Trần Anh	Khôi	2	5	2	1.2	1	4.2
35	13143169	Trịnh Minh	Khôi	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
36	14151053	Phan Văn	Kiệt	2	8	2	1.2	1.6	4.8
37	14151054	Phạm Anh	Kiệt	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1
38	14151056	Võ Mai	Kỳ	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1
39	14151063	Đặng Duy	Long	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
40	14151065	Trần Huy	Long	2	6	3	1.8	1.2	5
41	14151122	Huỳnh Công	Minh	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1
42	14151069	Phan Hoài	Nam	2	6	2	1.2	1.2	4.4
43	14151074	Hồ Trọng	Nguyễn	2	3.5	3	1.8	0.7	4.5

44	14151075	Lê Duy	Nhật	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
45	14151077	Nguyễn Thành	Phát	2	4	7	4.2	0.8	7
46	14151080	Lê Hoàng	Phú	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
47	14151082	Bùi Tấn	Phúc	2	6	4	2.4	1.2	5.6
48	12147231	Lê Hồng	Phương	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1
49	12141181	Nguyễn Đức	Quang	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1
50	12142208	Vũ Đức	Quang	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
51	12142216	Nguyễn Tấn	Quyên	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
52	14151087	Phạm Trung	Sĩ	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
53	12147243	Nguyễn Nhật	Tân	2	7.5	7	4.2	1.5	7.7
54	14151090	Nguyễn Quốc	Tấn	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1
55	12142234	Tiêu Văn	Tấn	2	7.5	5	3	1.5	6.5
56	12142236	Lê Phạm Hoàng	Thái	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
57	14151093	Phạm Ngọc	Thái	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
58	14151098	Nguyễn Văn	Thắng	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1
59	14151100	Nguyễn Duy	Thịnh	2	6	4	2.4	1.2	5.6
60	14151102	Từ Phước	Thịnh	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
61	12143214	Hoàng Minh	Tiến	2	7.5	8	4.8	1.5	8.3
62	12741009	Nguyễn Văn	Tiến	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
63	12742200	Trần Trọng	Tiến	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7
64	14151106	Bùi Hữu	Tín	2	4.5	2	1.2	0.9	4.1
65	12142270	Nguyễn Ngọc	Toản	2	7.5	3	1.8	1.5	5.3
66	14151108	Nguyễn Xuân Vũ	Triển	2	7.5	6	3.6	1.5	7.1
67	12743334	Hình Trinh	Trí	2	7.5	1	0.6	1.5	4.1
68	14151109	Đoàn Kim	Trọng	2	7.5	4	2.4	1.5	5.9
69	14151116	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7

70	14151117	Nguyễn Thanh	Tuấn	2	7.5	5	3	1.5	6.5
71	12143255	Trương Thanh	Văn	2	0	4	2.4	0	4.4
72	12141263	Nguyễn Duy	Viễn	2	0	5	3	0	5
73	14151121	Trần Vi	Việt	2	3	2	1.2	0.6	3.8
74	12147286	Hồ Ngọc	Vũ	2	0	5	3	0	5
75	13146271	Lê Hoàng	Vũ	2	7.5	2	1.2	1.5	4.7